

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/6/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Mai Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang- Thư ký TAND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Trường Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HPT ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N** - Sinh năm: 1967- Trú tại: Tổ 54, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng. **Có mặt.**

2. **Bị đơn: Ông Lê Tấn T** - Sinh năm: 1969- Trú tại: Tổ 54, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng. **Vắng mặt.**

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục thuế khu vực Sơn Trà- Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.** Địa chỉ: Số 32 đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Tấn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại K28/2 đường S, quận N, TP. Đà Nẵng. Chung sống đến năm 2007 thì giữa vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T có hành vi dùng vũ lực đối với bà; đỉnh điểm là vào năm 2020 ông T thường xuyên đánh đập và gây thương tích cho bà nhiều lần. Mâu thuẫn của ông bà đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Ông T và bà N đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong

cuộc sống. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà N đối với ông Lê Tấn T không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Lê Tấn T.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N xác định bà và ông Lê Tấn T có Lê Tấn T – sinh ngày 26/11/1991. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: bà N xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N xác định vợ chồng có nợ tiền sử dụng đất số tiền 259.420.000 đồng theo thông báo số 207/TB-CCT ngày 21/3/2019 của Chi cục thuế quận Ngũ Hành Sơn. Bà N yêu cầu giải quyết theo quy định.

* Đối với bị đơn – ông Lê Tấn T: Mặc dù đã được Tòa án đã giao hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Tấn T đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Chi cục Thuế khu vực Sơn Trà- Ngũ Hành Sơn: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Chi cục Thuế có đơn xin vắng mặt tại các phiên hoà giải và các phiên xét xử; đối với khoản nợ chung, Chi cục thuế có ý kiến như sau: Chi cục thuế đã xác định khoản ghi nợ tiền sử dụng đất tại thửa đất 458, tờ bản đồ 18, kiệt ra đường H, tổ 54 phường M, quận N, Tp Đà Nẵng của ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ N theo Thông báo số 207/TB-CCT ngày 21/3/2019 của Chi cục Thuế quận Ngũ Hành Sơn với số tiền 259.420.000 đồng. Ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ N phải liên hệ Chi cục Thuế để lập thủ tục thanh toán số tiền sử dụng đất còn nợ trên và nộp vào Ngân sách Nhà nước chậm nhất là ngày 20/3/2024 (Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 79/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ)

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn ông Lê Tấn T không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Lê Tấn T.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Tấn T có 01 con chung: Lê Tấn T – sinh ngày 26/11/1991. Hiện nay con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Do khoản nợ tiền sử dụng đất của bà N và ông Thủy với số tiền 259.420.000 đồng theo thông báo số 207/TB-CCT ngày 21/3/2019 của

Chi cục Thuế quận Ngũ Hành Sơn chưa đến hạn, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp có tranh chấp thì các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Tấn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Lê Tấn T vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Tấn T đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND phường A, quận S, Tp Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số: 07, cấp ngày 06/12/1991. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại tổ 54, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng. Chung sống đến năm 2019 thì giữa vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của cả hai dần khác biệt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn của ông bà đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Ông T và bà N đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ N xác định không còn yêu thương ông Lê Tấn T nữa, bà xin được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Lê Tấn T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Tấn T lại không làm được điều này. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được cách giải quyết để hàn gắn và xây dựng gia đình. Qua xác minh tại địa phương thì được ghi nhận giữa vợ chồng ông bà có mâu thuẫn xảy ra từ mấy năm gần đây. Về phía ông Lê Tấn T, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Lê Tấn T đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy ông Lê Tấn T không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Tấn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Lê Tấn T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N xác định bà và ông Lê Tấn T có 01 con chung: Lê Tấn T – sinh ngày 26/11/1991. Hiện nay con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn kiện bà Nguyễn Thị Mỹ N có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nữ đã rút yêu cầu trên. Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Mỹ N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Do khoản nợ tiền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Tấn T với số tiền 259.420.000 đồng theo Thông báo số 207/TB-CCT ngày 21/3/2019 của Chi cục Thuế quận Ngũ Hành Sơn chưa đến hạn, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp có tranh chấp thì các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn " của bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Lê Tấn T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn ông Lê Tấn T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Lê Tấn T nên giấy chứng nhận kết hôn số 07 do UBND phường A, quận S, Tp Đà Nẵng cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Tấn T ngày 06/12/1991 không còn giá trị pháp lý.

2. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp tại biên lai thu số 9546 ngày 01/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền tạm ứng án phí **10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)** mà bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp tại biên lai thu số 9546 ngày 01/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người

phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường A, Q. S, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ TRÂM